TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 06-5-2022
V/v ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con, nợ chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Văn Cảnh

ông Lê Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mỹ Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2022/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con, nợ chung".

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 01/2022/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Đức Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐ-PT ngày 13/4/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1988; địa chỉ thường trú: số 44D, ấp S, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện nay: 1879/2 Tổ 2, ấp K, xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* anh Huỳnh Văn T, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 44D, ấp S, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị Út L, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An

- *Người kháng cáo:* bị đơn anh Huỳnh Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/6/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị X trình bày:

Chị và anh Huỳnh Văn T chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An vào năm 2012. Chị và anh có 01 con chung tên Huỳnh Thanh T1, sinh ngày 29/8/2009. Do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, chị và anh không còn chung sống từ tháng 6/2021 cho đến nay. Hiện, con đang chung sống với chị. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Văn T.

Khi ly hôn, chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung tên là Huỳnh Thanh T1, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về nợ chung: chị và anh T nợ bà Nguyễn Thị Út L số tiền 40.000.000đ. Chị đồng ý trả cho bà L 20.000.000đ.

Về tài sản chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Huỳnh Văn T trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị X về kết hôn, thời gian chung sống, con chung, nợ chung, nguyên nhân mâu thuẫn. Tháng 6/2021, chị X đưa con về nhà chị ruột để ở, anh nhiều lần mong muốn được hàn gắn tình cảm, không muốn ly hôn do con còn nhỏ. Nay, chị X cương quyết xin ly hôn, anh đồng ý.

Khi ly hôn, anh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chị X cấp dưỡng.

Về nợ chung: anh và chị X nợ bà Nguyễn Thị Út L số tiền 40.000.000đ. Anh đồng ý trả cho bà L 20.000.000đ.

Về tài sản chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 01/2022/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X đối với anh Huỳnh Văn T về việc "Ly hôn".

Chị Nguyễn Thị X được ly hôn với anh Huỳnh Văn T.

2. Về con chung: chị Nguyễn Thị X được quyền nuôi con chung tên Huỳnh Thanh T1, sinh ngày 29/8/2009*; anh Huỳnh Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.*

3. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị X và anh Huỳnh Văn T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Út L số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Thời gian trả vào ngày 10/3/2022.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ của bên không trực tiếp nuôi con, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, việc thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/01/2022, bị đơn anh Huỳnh Văn T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu được quyền nuôi con chung tên là Huỳnh Thanh T1, không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Huỳnh Văn T trình bày: Anh có công việc, thu nhập ổn định. Khi ly hôn, anh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung do chị X không có việc làm, nơi ở ổn định, hiện đang phải nhờ nhà chị nên việc đưa rước con đi học và điều kiện để chăm sóc con chung không đảm bảo tốt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của bị đơn đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: anh T không chứng minh được chị X không đủ điều kiện để nuôi con, trong khi anh thừa nhận hiện nay cháu T1 vẫn được chị X cho đi học bình thường. Cháu T1 cũng có nguyện vọng sống cùng mẹ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Kháng cáo của bị đơn anh Huỳnh Văn T thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh T không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Chị Nguyễn Thị X có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập bà L tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án.

Về nội dung kháng cáo của anh T yêu cầu được nuôi bé Huỳnh Thanh T1, không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con chung:

[3] Anh T và chị X thừa nhận có con chung tên là Huỳnh Thanh T1, sinh ngày 29/8/2009. Từ tháng 6/2021 cho đến nay, anh chị không còn chung sống, chị X là người trực tiếp nuôi con.

[4] Xét nghề nghiệp, điều kiện kinh tế của anh T và chị X: hồ sơ vụ án thể hiện cả hai đương sự đều đi làm và có thu nhập, đảm bảo khả năng tài chính để nuôi con (bút lục số 44, 45).

[5] Xét về điều kiện chăm sóc con chung: bé T1 đang có cuộc sống ổn định cùng chị X và vẫn được chị X cho đi học. Hồ sơ vụ án thể hiện, bé T1 có nguyện vọng được sống cùng chị X (bút lục số 36). Vì vậy, việc giao bé T1 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng đảm bảo sự phát triển ổn định của con chung.

[6] Từ nhận định tại mục [3], [4], không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh T; chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: anh T phải chịu án phí do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

2. Không chấp nhận kháng cáo của anh Huỳnh Văn T.

3. Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 01/2022/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An về ly hôn, tranh cấp quyền nuôi con, nợ chung.

4. Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 6, 27 và 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X đối với anh Huỳnh Văn T về việc "Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con, nợ chung".

6. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị X được ly hôn với anh Huỳnh Văn T.

7. Về con chung: chị Nguyễn Thị X được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Thanh T1, sinh ngày 29/8/2009 (ngày hai mươi chín – tháng tám – năm hai nghìn không trăm lẻ chín).

8. Về việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị X tạm thời không yêu cầu anh Huỳnh Văn T cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

9. Về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn:

9.1. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

9.2. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc chăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

10. Về án phí:

10.1. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0009044 ngày 23/11/2021 của Chi cục Thi hành án

dân sự huyện Đức Hòa để thi hành.

10.2. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: anh Huỳnh Văn T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân phúc thẩm sung công quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0009417 ngày 04/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

11. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

12. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 06/5/2022 (ngày sáu tháng năm năm hai nghìn không trăm hai mươi hai)./.

***Nơi nhận*:**
- TANDCC;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Ngọc Hoàng Đình Thục